HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO
VỀ
HỢP TÁC PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN NGƯỜI VÀ BẢO VỆ NẠN NHÂN BỊ BUÔN BÁN

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, sau đây được gọi là "hai Bên";

Với sự quan ngại sâu sắc về nạn buôn bán người, coi đây là sự vi phạm nghiêm trọng quyền con người, là sự chà đạp thô bạo lên danh dự, nhân phẩm, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, thân thể, tinh thần, tình cảm và nhân cách của con người; gây hại đến các mối quan hệ xã hội và giá trị đạo đức;

Nhằm mục đích phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là các nhóm, tổ chức tội phạm xuyên quốc gia liên quan trực tiếp đến buôn bán người và bảo vệ nạn nhân theo tinh thần Nghị định thư về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và phù hợp với pháp luật hiện hành của mỗi nước;

Tin tưởng rằng hợp tác về thực thi pháp luật và điều tra hình sự là một biện pháp hiệu quả trong đấu tranh chống tội phạm buôn bán người;

Với mong muốn tăng cường hợp tác trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

Giải thích từ ngữ

Trong khuôn khổ Hiệp định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Buôn bán người" là việc tuyển chọn, vận chuyển, chuyển giao, che giấu hoặc tiếp nhận người bằng các thủ đoạn đe dọa, sử dụng vũ lực hoặc sử

dụng các hình thức ép buộc khác; bắt cóc, lừa gạt, lạm dụng quyền lực hoặc lợi dụng tình trạng dễ bị tổn thương của người bị hại; hoặc đưa và nhận tiền hoặc lợi ích khác để đạt được sự đồng ý của một người nào đó đang quản lý một người khác nhằm mục đích bóc lột tình dục, lao động cưỡng bức, lao động khổ sai, lấy đi bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

Việc tuyển chọn, vận chuyển, chuyển giao, che giấu hoặc tiếp nhận người dưới 18 tuổi vì mục đích bóc lột sẽ bị coi là buôn bán dù việc đó không liên quan tới bất cứ thủ đoạn nào nêu tại khoản 1 Điều này.

2. "Nạn nhân" là người bị buôn bán mang quốc tịch Việt Nam hoặc Lào hiện đang ở tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào bị một người hay một nhóm người sử dụng một trong các thủ đoạn nêu tại khoản (1) của Điều này nhằm mục đích bóc lột.

Điều 2

Phạm vi hợp tác

Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật hiện hành của mỗi Bên và các điều ước quốc tế khác liên quan tới tội phạm buôn bán người mà hai Bên đã phê chuẩn hoặc tham gia, hai Bên cam kết dành cho nhau sự hợp tác ở mức tối đa trong các nội dung sau:

1. Phòng ngừa buôn bán người;
2. Phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm buôn bán người;
3. Bảo vệ nạn nhân;
4. Nâng cao năng lực trong phòng, chống buôn bán người.

Điều 3

Biện pháp phòng ngừa

1. Hai Bên sẽ tiến hành bổ sung, hoàn thiện pháp luật cần thiết và áp dụng các biện pháp phù hợp để đảm bảo việc thực thi pháp luật và quyền tài phán của nước mình phù hợp với tuyên bố hoặc điều ước quốc tế mà nước mình ký kết hoặc gia nhập.

2. Hai Bên sẽ xây dựng các chương trình giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm, tăng cường các dịch vụ xã hội như: y tế, trợ giúp tâm lý, pháp lý... và phối hợp thực hiện các chiến dịch truyền thông trong nội địa và dọc tuyến biên giới giữa hai nước nhằm nâng cao nhận thức về phòng, chống tội phạm buôn bán người trong cộng đồng dân cư, đặc biệt đối với nhóm có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của tội phạm này.

Điều 4

Biện pháp bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán

1. Hai Bên cam kết áp dụng những biện pháp thích hợp nhằm bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân. Theo đó các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên phải tiến hành mọi biện pháp có thể để bảo đảm an toàn cho nạn nhân:

a) Được đối xử công bằng, trợ giúp về pháp lý. Nạn nhân không bị giam giữ, không bị xử lý về hành vi xuất, nhập cảnh bất hợp pháp hoặc bất cứ hành vi vi phạm hành chính nào liên quan đến việc trở thành nạn nhân của họ;

b) Được bố trí ăn, ở và bảo vệ theo quy định của chính sách và pháp luật mỗi nước trong thời gian chờ làm thủ tục hồi hương;

c) Được đối xử nhân đạo, bảo đảm an toàn, giữ bí mật thông tin và tôn trọng nhân phẩm trong suốt quá trình bảo vệ, hồi hương và tham gia tố tụng hình sự;

d) Được hỗ trợ, điều trị về tâm lý, khám sức khỏe và được cung cấp các hỗ trợ cần thiết khác phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi nước và theo từng trường hợp cụ thể của nạn nhân.

2. Nạn nhân dưới 18 tuổi được chăm sóc một cách phù hợp với lứa tuổi trong quá trình bảo vệ, hồi hương và tham gia tố tụng trong vụ án hình sự.

3. Con dưới 18 tuổi của nạn nhân đi cùng được hưởng chính sách bảo vệ như đối với nạn nhân.

4. Các cơ quan hữu quan của hai Bên cần áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo an toàn cho nạn nhân, người làm chứng và gia đình của họ không bị trả thù hoặc đe dọa trong và sau quá trình điều tra.

Điều 5

Hợp tác trong đấu tranh chống tội phạm buôn bán người

1. Các cơ quan có thẩm quyền trong điều tra, xử lý tội phạm buôn bán người của hai Bên, nhất là ở khu vực biên giới chung giữa hai nước, sẽ hợp tác chặt chẽ, tổ chức giao ban định kỳ hoặc đột xuất theo sự thỏa thuận nhằm trao đổi thông tin về nạn nhân, tội phạm buôn bán người để đề ra kế hoạch, biện pháp hợp tác hiệu quả.

2. Hai Bên sẽ tổ chức các chương trình tập huấn cho cán bộ của các cơ quan liên quan nhằm nâng cao năng lực thực thi pháp luật trong lĩnh vực phòng ngừa, điều tra, xử lý các vụ án buôn bán người và bảo vệ nạn nhân.

3. Hai Bên tiến hành các hoạt động thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ, phát hiện, bắt giữ và chuyển giao đối tượng phạm tội, giải cứu nạn nhân theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan của mỗi Bên và các quy định tại Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa các nước ASEAN ký ngày 29 tháng 11 năm 2004 tại Kua- la- lum - pơ, Tuyên bố chung về hợp tác phòng, chống buôn bán người khu vực tiểu vùng sông Mê kông, ký ngày 14 tháng 12 năm 2007 tại Bắc Kinh và Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, ký ngày 06 tháng 7 năm 1998 tại Hà Nội.

4. Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên sẽ hợp tác trong việc thu thập và trao đổi thông tin liên quan đến buôn bán người như: tuyến đường, địa điểm, đối tượng, phương thức và thủ đoạn buôn bán người và thông tin về cá nhân các đối tượng buôn bán người.

Điều 6

Xác định và chuyển giao nạn nhân

1. Hai Bên cam kết hợp tác nhằm bảo đảm xác minh, xác định và hồi hương nạn nhân an toàn và nhanh chóng.

2. Căn cứ để xác định nạn nhân:

a) Tài liệu, bằng chứng do hai Bên cung cấp;

b) Lời khai và bằng chứng do nạn nhân cung cấp;

c) Kết quả xác minh của lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng Việt Nam và Bộ An ninh Lào;

d) Lời khai của người thực hiện hành vi buôn bán người;

e) Thông tin do các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ có liên quan cung cấp;

f) Thông tin từ các nguồn khác cung cấp.

3. Cơ quan chủ trì việc xác minh, giao nhận nạn nhân về phía nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an và về phía nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào là Cục Cảnh sát điều tra, Bộ An ninh.

Cơ quan chủ trì của hai Bên có những nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức xác minh về nhân thân, quốc tịch nạn nhân;

b) Chuẩn bị việc bàn giao và tiếp nhận nạn nhân;

c) Tiến hành việc giao, nhận nạn nhân theo kế hoạch đã được chuẩn bị;

d) Đảm bảo an toàn cho nạn nhân trong quá trình giao nhận.

4. Trình tự, thủ tục xác minh và chuyển giao nạn nhân.

a) Cơ quan chủ trì của Bên yêu cầu sẽ chuyển cho cơ quan chủ trì Bên được yêu cầu hồ sơ đề nghị xác minh và tiếp nhận nạn nhân. Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị xác minh và tiếp nhận (bằng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc ngôn ngữ Bên được yêu cầu), Bản tự khai theo mẫu (có ảnh kèm theo) do hai Bên thống nhất và các tài liệu khác giúp cho việc xác minh nhân thân và quốc tịch (nếu có).

b) Cơ quan chủ trì của Bên được yêu cầu xác minh và trả lời kết quả cho Bên yêu cầu trong thời gian nhanh nhất và không quá ba mươi ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu về việc đồng ý tiếp nhận hay không tiếp nhận nạn nhân. Trường hợp đồng ý tiếp nhận, cơ quan chủ trì của Bên được tiếp nhận sẽ cấp giấy thông hành hoặc ủy quyền cho cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước mình (sau đây gọi tắt là cơ quan đại diện) ở Bên yêu cầu cấp giấy thông hành về nước cho nạn nhân.

c) Sau khi nhận được văn bản đồng ý tiếp nhận nạn nhân, cơ quan chủ trì của Bên yêu cầu thông báo cho cơ quan chủ trì Bên được yêu cầu trước ít nhất 05

(năm) ngày làm việc về danh sách nạn nhân, thời gian, phương tiện và cửa khẩu quốc tế để tiến hành trao trả.

d) Phương thức chuyển giao hồ sơ: thông qua cơ quan đại diện của nước mình hoặc chuyển trực tiếp cho cơ quan chủ trì.

e) Việc trao trả nạn nhân được tiến hành tại các cửa khẩu quốc tế và vào thời gian cụ thể do hai Bên thống nhất. Cán bộ có thẩm quyền của hai Bên tiến hành ký nhận vào biên bản giao nhận.

Điều 7

Tái hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân

1. Hai Bên cam kết tiến hành các biện pháp nhằm hỗ trợ nạn nhân tái hòa nhập xã hội và gia đình một cách an toàn.

2. Hai Bên sẽ phối hợp hỗ trợ xây dựng và triển khai các chương trình tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực tái hòa nhập cộng đồng.

Điều 8

Cơ quan chủ trì

1. Để thực hiện Hiệp định này hai Bên chỉ định Cơ quan chủ trì thực hiện Hiệp định là:

a) Về phía Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Công an;

b) Về phía Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào là Bộ An ninh.

2. Cơ quan chủ trì của hai Bên có trách nhiệm tham vấn và thống nhất về các biện pháp cần thiết để thực hiện Hiệp định này.

3. Nhiệm vụ của Cơ quan chủ trì:

a) Xây dựng kế hoạch, chiến lược hoạt động chung cũng như phối hợp với các cơ quan liên quan của hai Bên tiến hành thực hiện nội dung Hiệp định này;

b) Hàng năm, đánh giá kết quả các hoạt động phối hợp và đề xuất nội dung thúc đẩy hợp tác thực hiện Hiệp định báo cáo Chính phủ mỗi Bên.

c) Đề xuất tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất nhằm đánh giá việc tổ chức thực hiện Hiệp định này;

d) Lập hồ sơ, cơ sở dữ liệu về công tác phòng, chống buôn bán người của các cơ quan thực thi pháp luật, các cơ quan tổ chức trong nước của mỗi Bên và các tổ chức quốc tế có liên quan.

Điều 9

Bảo mật thông tin

Các tin tức, tài liệu trao đổi cho nhau phải được bảo đảm bí mật theo quy định pháp luật của mỗi Bên. Những tin tức, tài liệu này chỉ được sử dụng cho việc thực hiện các yêu cầu của Bên yêu cầu, không trao cho Bên thứ 3 nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên cung cấp.

Điều 10

Điều khoản không ảnh hưởng

Các điều khoản của Hiệp định này không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của hai Bên trong thực hiện các điều ước quốc tế mà mình là thành viên trước khi ký kết Hiệp định này.

Điều 11

Giải quyết tranh chấp

Mọi bất đồng và tranh chấp nảy sinh liên quan đến việc giải thích và thi hành Hiệp định này được giải quyết một cách hữu nghị thông qua tham vấn giữa hai Bên hoặc qua đường ngoại giao.

Điều 12

Sửa đổi bổ sung Hiệp định

Hiệp định này có thể được sửa đổi hoặc bổ sung khi có sự thống nhất của hai Bên bằng văn bản thông qua đường ngoại giao.

Điều 13

Đình chỉ thực hiện Hiệp định

Một Bên có thể tạm thời đình chỉ toàn bộ hoặc một phần việc thực hiện Hiệp định này vì các lý do trật tự công cộng, an ninh quốc gia, sức khỏe cộng

đồng hoặc lý do khác. Việc đình chỉ và chấm dứt đình chỉ Hiệp định phải được thông báo cho Bên kia bằng văn bản qua đường ngoại giao.

Điều 14

Hiệu lực và chấm dứt hiệu lực của Hiệp định

1. Hiệp định này có hiệu lực sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày một Bên nhận được thông báo sau cùng của Bên kia bằng văn bản qua đường ngoại giao về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý nội bộ theo pháp luật của mỗi nước để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn trừ khi một trong hai Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia qua đường ngoại giao về việc chấm dứt Hiệp định. Việc chấm dứt đó sẽ có hiệu lực sau 90 (chín mươi) ngày làm việc kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo.

3. Trong trường hợp chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn tiếp tục được áp dụng đối với các yêu cầu hợp tác được đưa ra trước ngày kết thúc Hiệp định.

Để làm bằng, người được ủy quyền đầy đủ của Chính phủ mỗi Bên dưới đây, ký Hiệp định này.

Làm tại Thủ đô Hà Nội, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 03 tháng 11 năm 2010, thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Lào và tiếng Anh; các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ **NƯỚC CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM**	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ** **NƯỚC CỘNG HÒA DCND LÀO**
Lê Hồng Anh **Bộ trưởng Bộ Công an**	**Thoong Ban Sẻng A Phon** **Bộ trưởng Bộ An ninh**

AGREEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
AND
THE GOVERNMENT OF THE LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC
ON
COOPERATION IN PREVENTING AND COMBATING TRAFFICKING IN PERSONS AND PROTECTION OF VICTIMS OF TRAFFICKING

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Lao People's Democratic Republic hereinafter referred to as "the Parties":

Being deeply concerned about trafficking in persons, which is considered a serious violation of human rights, undermining human dignity and adversely affecting the health, psychology, emotion and morality of a person, and doing harm to social relations and moral values;

Aimed at preventing, suppressing and punishing traffickers, especially transnational organized criminal groups directly involved in trafficking in persons, and protecting victims in accordance with the Protocol to Prevent, Suppress and Punish Trafficking in Persons, especially in Women and Children supplementing the United Nations Convention against Transnational Organized Crime; in accordance with the existing laws of each Party respectively;

Being convinced that mutual cooperation in law enforcement and criminal investigation is an efficient measure;

Desiring to enhance cooperation on the basis of respecting independence, sovereignty, equality and mutual benefits;

Have hereby agreed as follows:

Article 1

Term Interpretation

Under this Agreement framework, the following terms are interpreted as follows:

1. "Trafficking in Persons" means the recruitment, transportation, transferring, sheltering or receiving persons by means of threatening, using force, or other forms of coercion; abduction, deception, the abuse of power or making use of a vulnerable situation of victim; the giving or receiving of money or other benefits to achieve the consent of a person, who has been controlling another person for the purpose of exploitation, which consists of: sexual exploitation, forced labor, slavery, the removal of body organs, or for other inhumane purposes.

The recruitment, transportation, transferring, sheltering or receiving of those under the age of 18 (eighteen) for exploitation constitutes trafficking in persons, though the means defined in Section (1) of this Article are not used;

2. "Victim(s)", who are trafficked, are Vietnamese and Lao citizens residing either in the Socialist Republic of Vietnam or the Lao People's Democratic Republic respectively, who have been exploited by a person or a group using one or more of the means defined in Section (1) of this Article.

Article 2

The Scope of Cooperation

In accordance with the Agreement provisions, the existing laws of each Party, and other international treaties related to trafficking in persons ratified or acceded by each Party, the two Parties commit to cooperate at the maximum level on the following matters:

1. Prevention of trafficking in persons;
2. Detection, investigation and prosecution of trafficking in persons;
3. Protection of victims, and
4. Capacity building in regards to the prevention and combating of trafficking in persons.

Article 3

Preventive Measures

1. The Parties will amend their legislation as necessary, and take appropriate measures to ensure the law enforcement and the authority of their national jurisdictions is in conformity with the International Declarations and Instruments ratified or acceded to by the Parties.

2. The Parties shall provide vocational training and education; programs of creating jobs; promotion of social services such as medical, psychological, and legal support... and coordinate to implement media campaigns in domestic and border areas in order to raise awareness of trafficking in persons for people in communities, especially for high-risk groups.

Article 4

Victim Protection and Assistance Measures

1. The Parties commit to take appropriate measures to protect victims. The Parties' competent authorities must ensure the victims' safety as follows:

a) Being treated equally and provided with legal support; not detained and/or punished for illegal immigration or any other related administrative offence;

b) Being provided with food and accommodation, and protected according to the policies and legal regulations of each country while awaiting the completion of the procedures for their repatriation;

c) Being treated humanely, their safety and confidentiality of information is ensured, and dignity is respected during the phase of protection, repatriation and during participation in any criminal proceedings;

d) Being provided with the support of psychological treatment, health care and other necessary services in accordance with the conditions of each country and each individual case.

2. Victims under the age of 18 (eighteen) will be taken care of in an age-appropriate manner during protection, repatriation and participation in any criminal proceedings.

3. Victims' children who are under the age of 18 (eighteen) and in the company of the victim shall be granted the same protection policy as being provided to victims.

4. The Parties' competent authorities need to take appropriate measures to ensure the safety of victims, witnesses and their families against revenge or threats, during and after investigation.

Article 5

Cooperation on Combating Trafficking in Persons

1. The competent authorities of both Parties being responsible for investigation and prosecution of trafficking in persons, especially in the border areas, shall: closely cooperate; schedule exchange visits periodically or urgently upon the mutual consent of the Parties to exchange information on victims and crimes of trafficking in persons, and to develop plans and measures for effective cooperation.

2. The Parties shall provide training programs for their relevant agencies' officers in order to enhance their law enforcement capacity in the prevention, investigation and prosecution of trafficking in persons cases; and in the protection of victims.

3. The Parties shall conduct activities of collecting and compiling information, materials and evidence; detecting, arresting and transferring criminals; rescuing victims in conformity with the existing laws, the Treaty on Mutual Legal Assistance in Criminal Matters among ASEAN Member States (signed in Kuala Lumpur on 29 November 2004), the Joint-Declaration on Cooperation to Combat Trafficking in Persons in the Greater Mekong Sub-region (signed in Beijing on 14 December 2007), and the Agreement Between the Socialist Republic of Vietnam and the Lao People's Democratic Republic on Mutual Legal Assistance on Civil and Criminal Matters signed in Hanoi on 6 July 1998.

4. The Parties' competent authorities shall cooperate on collecting and exchanging information of trafficking in persons cases, such as routes, suspected refuges, individual suspects, means and methods of trafficking in persons, and traffickers and their personal information.

Article 6

Victim Identification and Transfer

1. The Parties pledge to cooperate to ensure that victims are identified as well as repatriated safely and quickly.

2. The basis to identify the victims:

a) Evidence and materials provided by the two Parties;

b) Statement and evidence provided by victims;

c) Screening results gained by the Vietnamese Public Security Forces, Vietnamese Border Guard Force and Lao Ministry of Public Security;

d) Statements given by the person conducting trafficking in persons;

e) Information provided by relevant international organizations and non-governmental organizations;

f) Information from other sources.

3.The focal point agency for victim identification and repatriation of the Socialist Republic of Vietnam is the Immigration Department under the Ministry of Public Security. The focal point unit of the Lao People's Democratic Republic is the Police Criminal Investigation Department, Ministry of Public Security.

The Parties' focal point agencies will be responsible for:

a) Identification of victims' identity and nationality;

b) Making arrangements on the return and readmission of victims;

c) Conducting the return and readmission of victims according to the planned schedules;

d) Ensuring the safety of the victims during the process of their return and readmission;

4. Procedures for the identification and transferring of victims:

a) The focal point agency of the requesting Party shall send the requested Party's focal-point agency a request about victim identification and readmission. The request shall consist of: a written document requesting the victim identification and readmission (in English or the language of the requested Party), the self-statement form agreed by the two Parties (with photo attached), and other materials supporting the identification of the victims' relatives and nationality (if any).

b) The focal point agency of the requested Party will conduct identification processes and inform the focal point agency of the requesting Party about its results as soon as possible, but not more than 30 (thirty) working days from the date of receiving the request on whether victim readmission is accepted or not. In case of request acceptance, the focal point agency of the requested Party will issue official travel documents or assign the diplomatic mission, consular section, or other assigned agencies having the consular function of the requested Party (hereinafter referred to as "Representative Agencies"), to issue official travel document(s) for the victim(s).

c) After receiving the written acceptance of victim readmission, the focal-point agency of the requesting Party will inform the focal point agency of the

requested Party at least 5 (five) working days in advance, about the list of victims, means of transportation, date and time of transportation, and the international border checkpoint for victim return;

d) Method of file transfer: via the Representative Agencies or transfer directly to the focal point agency of each Party respectively;

e) Victim return has to be at the international border checkpoint at the agreed and specified time. Authorized officers of both Parties shall duly sign the minute of transfer and readmission.

Article 7

Community Reintegration for Victims

1. The Parties pledge to take any possible measures to support the victims in their reintegration back into society and their families safely.

2. The Parties will coordinate to support setting up and implementing training programs on capacity building for officers working in the field of community reintegration.

Article 8

Central Authorities

1. To implement this Agreement, the Parties appoint a central authority respectively, namely:

a) The Ministry of Public Security for the Socialist Republic of Vietnam;

b) The Ministry of Public Security for the Lao People's Democratic Republic.

2. The central authority of both Parties will be responsible for consulting and unanimously taking necessary measures to implement this Agreement.

3. The central authorities are in charge of:

a) Developing the joint strategy and plan, and the coordination of the relevant agencies of the Parties to implement this Agreement;

b) Annually evaluating the coordinated activities and making proposals to promote cooperation on the implementation of this Agreement, and reporting to the Government of each Party respectively;

c) Proposing exchange visits periodically or urgently to evaluate implementation of this Agreement;

d) Setting up case files and database on preventing and combating trafficking in persons by law enforcement agencies, domestic agencies of each Party and relevant international organizations.

Article 9

Confidentiality

Material and information exchanged must be kept confidential in accordance with the laws of each Party. The exchanged information and materials should be used only for Agreement implementation of the requesting Party and not revealed to any third parties without written consent of the providing Party.

Article 10

Unaffected Provisions

The provisions of this Agreement will not affect the rights and obligations of the Parties under international treaties to which they were a party before signing this Agreement.

Article 11

Settlement of Disputes

Any disputes arising from the interpretation or implementation of this Agreement must be settled amicably through consultation or diplomatic channels by the Parties.

Article 12

Amendment and Modification of the Agreement

This Agreement can be modified or amended in written form by mutual consent through diplomatic channels.

Article 13

Suspension of the Agreement Implementation

Each Party can suspend the implementation of this Agreement partly or wholly, for the reason of public order, national security, public health or other reasons. Any suspension of this Agreement or termination of the suspension of this Agreement shall be made to the other Party in written form through diplomatic channels.

Article 14

Entry into Force and Termination

1. This Agreement will enter into force after 30 (thirty) days following the date of the latest written notification through diplomatic channels regarding the respective completion of their internal legal procedures required to allow the Agreement to enter into force in accordance with the domestic laws of each Party.

2. This Agreement will be valid indefinitely unless each Party sends the required written notification through diplomatic channels about the termination of this Agreement to the other Party. The termination will take effect 90 (ninety) working days from the date of receiving this notice.

3. In the case of termination, this Agreement shall still apply to any request for cooperation made prior to the date of termination of this Agreement.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective Governments, have signed this Agreement.

Signed and witnessed in Hanoi, the capital city of the Socialist Republic of Viet Nam in two authentic copies, each in the Vietnamese, Lao and English on the third (3^{rd}) of November 2010. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPULIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPULIC
Le Hong Anh **Minister of Public Security**	**Thongbanh Sengaphone** **Minister of Public Security**

ສັນຍາ

ລະຫວ່າງ

ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ

ແລະ

ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ

ວ່າດ້ວຍ

ການຮ່ວມມືສະກັດກັ້ນ, ຕ້ານການຄ້າມະນຸດ ແລະ
ການປົກປ້ອງຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍຈາກການຄ້າມະນຸດ

ສັນຍາ

ລະຫວ່າງ

ລັດຖະບານ ແຫ່ງສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືສະກັດກັ້ນ, ຕ້ານການຄ້າມະນຸດ ແລະ ການປົກປ້ອງຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ ຈາກການຄ້າມະນຸດ

ລັດຖະບານ ແຫ່ງສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ຕໍ່ໄປນີ້ເອີ້ນວ່າ " ສອງຝ່າຍ ".

ດ້ວຍຄວາມເປັນຫ່ວງ ຢ່າງເລິກເຊິ່ງຕໍ່ອາຊະຍາກຳຄ້າມະນຸດ ຊຶ່ງຖືວ່າເປັນການລະເມີດສິດທິຄວາມເປັນມະນຸດຢ່າງຮ້າຍແຮງ, ເປັນການດູໝິ່ນຢ່ຳຢີ ຊື່ສຽງກຽດສັກສີຂອງມະນຸດ, ສົ່ງຜົນສະທ້ອນທາງລົບຕໍ່ສຸຂະພາບ, ຮ່າງກາຍ, ຈິດໃຈ, ອາລົມ ແລະ ສິນທຳຂອງຄົນ; ສົ່ງຜົນເສັຍຫາຍຕໍ່ສາຍພົວພັນ ແລະ ຄຸນຄ່າຂອງສັງຄົມ.

ໂດຍແນໃສ່ສະກັດກັ້ນ, ປາບປາມ ແລະ ລົງໂທດຜູ້ກະທຳຜິດໃນສະຖານການຄ້າມະນຸດໂດຍສະເພາະແມ່ນບັນດາກຸ່ມ, ການຈັດຕັ້ງອາຊະຍາກຳຂ້າມຊາດທີ່ກ່ຽວຂ້ອງໂດຍກົງກັບການຄ້າມະນຸດ ແລະເພື່ອປົກປ້ອງຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ ຕາມອະນຸສັນຍາຂອງອົງການສະຫະປະຊາຊາດ ວ່າດ້ວຍການສະກັດກັ້ນ, ປາບປາມ ແລະ ລົງໂທດຜູ້ກະທຳຜິດໃນສະຖານການຄ້າມະນຸດ ໂດຍສະເພາະແມ່ນແມ່ຍິງ ແລະ ເດັກນ້ອຍ ຊຶ່ງເພີ່ມຕື່ມໃຫ້ແກ່ສົນທິສັນຍາ ຂອງອົງການສະຫະປະຊາຊາດວ່າດ້ວຍການ ຕ້ານອາຊະຍາກຳຂ້າມຊາດ ທີ່ມີການຈັດຕັ້ງ ແລະ ສອດຄ່ອງກັບກົດໝາຍທີ່ມີຜົນໃຊ້ບັງຄັບໃນປັດຈຸບັນຂອງແຕ່ລະປະເທດ.

ໂດຍເຊື່ອໝັ້ນວ່າ ການຮ່ວມມືຊຶ່ງກັນ ແລະ ກັນໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດກົດໝາຍ ແລະ ການສືບສວນ-ສອບສວນຄະດີອາຍາ ເປັນມາດຕະການໜຶ່ງ ທີ່ມີປະສິດທິພາບໃນການຕໍ່ສູ້ຕ້ານ ການຄ້າມະນຸດ.

ດ້ວຍຄວາມປາຖະໜາ ເພີ່ມທະວີການຮ່ວມມືບົນພື້ນຖານເຄົາລົບຄວາມເປັນເອກະລາດ, ອະທິປະໄຕຂອງກັນ ແລະ ກັນ, ສະເໝີພາບ ແລະ ຕ່າງຝ່າຍຕ່າງມີຜົນປະໂຫຍດ.

ໄດ້ຕົກລົງກັນດັ່ງຕໍ່ໄປນີ້:

ມາດຕາ 1

ການອະທິບາຍຄຳສັບ

ບັນດາຄຳສັບທີ່ໃຊ້ໃນຂອບເຂດຂອງສັນຍາສະບັບນີ້ ມີຄວາມໝາຍ ດັ່ງຕໍ່ໄປນີ້ :

1. **"ການຄ້າມະນຸດ"** ແມ່ນການຂົນຂວາຍຈັດຫາ, ຂົນສົ່ງ, ເຄື່ອນຍ້າຍ, ການຊຸກເຊື່ອງ ຫລື ຮັບເອົາ ບຸກຄົນ ດ້ວຍຮູບການຂົ່ມຂູ່, ໃຊ້ກຳລັງ ຫລື ນຳໃຊ້ຮູບການບີບບັງຄັບອື່ນໆ, ການລັກພາຕົວ, ໃຊ້ກົນອຸບາຍ ຕົວະຍົວະຫລອກລວງ, ການສວຍໃຊ້ອຳນາດໃນທາງທີ່ບໍ່ຖືກຕ້ອງ ຫລື ສວຍໃຊ້ສະພາບທີ່ບໍ່ມີທາງຕໍ່ສູ້ຂອງ ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ; ຫລື ການໃຫ້ ຫລື ຮັບເອົາເງິນ ຫລື ຜົນປະໂຫຍດ ອື່ນ ເພື່ອໃຫ້ໄດ້ຮັບຄວາມຍິນຍອມຈາກ ບຸກຄົນໃດໜຶ່ງ ທີ່ກຳລັງຖືກຄຸ້ມຄອງໂດຍບຸກຄົນອື່ນ ເພື່ອຈຸດປະສົງກົດຂີ່ຂູດຮີດທາງເພດ, ການອອກແຮງ ງານແບບຖືກບັງຄັບ ຫລື ອອກແຮງງານແບບຂ້າທາດ, ການຕັດອະໄວຍະວະຂອງຮ່າງກາຍ ຫລື ເພື່ອ ຈຸດປະສົງອື່ນໆ ທີ່ໄຮ້ມະນຸດສະທຳ.

ການຂົນຂວາຍຈັດຫາ, ການຂົນສົ່ງ, ການເຄື່ອນຍ້າຍ, ການຊຸກເຊື່ອງ ຫລື ຮັບເອົາບຸກຄົນທີ່ມີອາຍຸ ຕ່ຳກວ່າ 18 ປີ ເພື່ອຈຸດປະສົງກົດຂີ່ຂູດຮີດ ກໍຖືວ່າເປັນການຄ້າມະນຸດ ເຖິງວ່າການກະທຳດັ່ງກ່າວ ບໍ່ ກ່ຽວຂ້ອງກັບຮູບການໃດໆ ທີ່ກ່າວມາໃນວັກ 1 ຂອງມາດຕານີ້ ກໍຕາມ.

2. **"ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ"** ແມ່ນບັນດາບຸກຄົນທີ່ຖືສັນຊາດຫວຽດນາມ ຫລື ສັນຊາດລາວ ແລະ ປັດຈຸ ບັນກຳລັງຢູ່ ສສ ຫວຽດນາມ ຫລື ສປປ ລາວ ຊຶ່ງຖືກບຸກຄົນ ຫລື ກຸ່ມຄົນນຳໃຊ້ເລ່ຫຼ່ຽມກົນອຸບາຍໃດໜຶ່ງ ທີ່ ໄດ້ກ່າວມາໃນ ຂໍ້ 1 ຂອງມາດຕານີ້ ເພື່ອຈຸດປະສົງກົດຂີ່ຂູດຮີດ.

ມາດຕາ 2

ຂອບເຂດການຮ່ວມມື

ໂດຍສອດຄ່ອງກັບບັນດາຂໍ້ກຳນົດຂອງສັນຍາສະບັບນີ້ ແລະ ກົດໝາຍທີ່ມີຜົນໃຊ້ບັງຄັບໃນປັດຈຸບັນ ຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ ແລະ ບັນດາຂໍ້ກຳນົດຂອງກົດໝາຍສາກົນ ທີ່ກ່ຽວຂ້ອງກັບອາຊະຍາກຳຄ້າມະນຸດ ຊຶ່ງ ສອງຝ່າຍ ໄດ້ໃຫ້ສັດຕະຍາບັນ ຫລື ເຂົ້າເປັນພາຄີ, ທັງສອງຝ່າຍໃຫ້ຄຳໝັ້ນສັນຍາຕໍ່ກັນວ່າຈະໃຫ້ການ ຮ່ວມມືໃນລະດັບສູງສຸດຕໍ່ບັນດາເນື້ອໃນ ດັ່ງຕໍ່ໄປນີ້:

1. ການສະກັດກັ້ນການຄ້າມະນຸດ;

2. ການຊອກຫາ ແລະ ການດຳເນີນຄະດີຕໍ່ຜູ້ຄ້າມະນຸດ;

3. ການປົກປ້ອງຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ;

4. ການຍົກລະດັບຄວາມສາມາດໃນການສະກັດກັ້ນ ແລະ ຕ້ານການຄ້າມະນຸດ.

ມາດຕາ 3

ມາດຕະການສະກັດກັ້ນ

1. ສອງຝ່າຍ ຈະດຳເນີນການປັບປຸງກົດໝາຍທີ່ຈຳເປັນ ແລະ ນຳໃຊ້ບັນດາມາດຕະການທີ່ເໝາະສົມ ເພື່ອຮັບປະກັນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດກົດໝາຍ ແລະ ອຳນາດຕຸລາການຂອງປະເທດຕົນໃຫ້ສອດຄ່ອງກັບຖະແຫລງການ ຫລື ສົນທິສັນຍາສາກົນ ທີ່ປະເທດຕົນໄດ້ໃຫ້ສັດຕະຍາບັນ ແລະ ເຂົ້າເປັນພາຄີ;

2. ສອງຝ່າຍ ຈະສ້າງບັນດາໂຄງການກ່ຽວກັບການສຶກສາ, ການຝຶກອົບຮົມວິຊາຊີບ, ການຈັດຫາວຽກເຮັດງານທຳ, ການເພີ່ມທະວີການບໍລິການທາງສັງຄົມ ເຊັ່ນ: ສາທາລະນະສຸກ, ການຊ່ວຍເຫລືອດ້ານຈິດໃຈ, ດ້ານກົດໝາຍ... ແລະ ປະສານສົມທົບກັບການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດບັນດາຂະບວນການໂຄສະນາເຜີຍແຜ່ຂໍ້ມູນຂ່າວສານຢູ່ພາຍໃນປະເທດ ແລະ ເຂດລຽບ ຕາມຊາຍແດນ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ ແນໃສ່ຍົກສູງຄວາມຮັບຮູ້ກ່ຽວກັບການສະກັດກັ້ນ ແລະ ຕ້ານການຄ້າມະນຸດຢູ່ໃນຊຸມຊົນຕ່າງໆ ໂດຍສະເພາະແມ່ນບັນດາກຸ່ມເປົ້າໝາຍທີ່ມີຄວາມສ່ຽງສູງຕໍ່ການຕົກເປັນຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍຈາກການຄ້າມະນຸດ.

ມາດຕາ 4

ມາດຕະການປົກປ້ອງ, ຊ່ວຍເຫລືອຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍຈາກການຄ້າມະນຸດ

1. ສອງຝ່າຍ ໃຫ້ຄຳໝັ້ນສັນຍາວ່າຈະນຳໃຊ້ບັນດາມາດຕະການທີ່ເໝາະສົມ ເພື່ອປົກປ້ອງ, ຊ່ວຍ

ເຫລືອຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ ພ້ອມດຽວກັນນັ້ນ, ບັນດາອົງການທີ່ມີສິດອຳນາດຂອງສອງຝ່າຍ ຕ້ອງດຳເນີນມາດຕະການທີ່ສາມາດຮັບປະກັນຄວາມປອດໄພໃຫ້ແກ່ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ ດັ່ງນີ້:

ກ. ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍຈາກການຄ້າມະນຸດ ຈະໄດ້ຮັບການປະຕິບັດຢ່າງສະເໝີພາບ, ໄດ້ຮັບ ການຊ່ວຍເຫລືອທາງດ້ານກົດໝາຍ. ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍຈະບໍ່ຖືກກັກຂັງ, ຈະບໍ່ຖືກດຳເນີນຄະດີໃນສະຖານເຂົ້າ-ອອກ ເນື່ອງຜິດກົດໝາຍ ຫລື ທຸກການກະທຳທີ່ລະເມີດທາງດ້ານບໍລິຫານໃດໜຶ່ງ ທີ່ພົວພັນເຖິງການຕົກເປັນຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍຂອງເຂົາເຈົ້າ;

ຂ. ໄດ້ຮັບການຊ່ວຍເຫລືອດ້ານການກິນຢູ່, ພັກເຊົາ ແລະ ໄດ້ຮັບການປົກປ້ອງຕາມແນວທາງນະໂຍບາຍ ແລະ ກົດໝາຍຂອງແຕ່ລະປະເທດ ໃນໄລຍະເວລາລໍຖ້າການປະກອບເອກະສານເພື່ອກັບຄືນສູ່ພູມລຳເນົາເດີມ;

ຄ. ໄດ້ຮັບການປະຕິບັດແບບມະນຸດສະທຳ, ຮັບປະກັນຄວາມປອດໄພ, ການຮັກສາຄວາມລັບຂໍ້ມູນຂ່າວສານ ແລະ ເຄົາລົບຄຸນຄ່າຄວາມເປັນມະນຸດຕະຫລອດໄລຍະການປົກປ້ອງ, ການກັບຄືນສູ່ພູມລຳເນົາ ກໍຄືການເຂົ້າຮ່ວມໃນການດຳເນີນຄະດີອາຍາ;

ງ. ໄດ້ຮັບການຊ່ວຍເຫລືອບຳບັດຟື້ນຟູດ້ານຈິດໃຈ, ກວດສຸຂະພາບ ແລະ ໄດ້ຮັບການຊ່ວຍເຫລືອ ອັນຈຳເປັນຕ່າງໆ ຕາມເງື່ອນໄຂສະພາບຂອງແຕ່ລະປະເທດ ແລະ ຕາມແຕ່ລະກໍລະນີຕົວຈິງຂອງຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ;

2. ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ ຊຶ່ງເປັນຜູ້ທີ່ມີອາຍຸຕ່ຳກວ່າ 18 ປີ ໄດ້ຮັບການດູແລຢ່າງເໝາະສົມຕາມໄວອາຍຸຂອງເຂົາເຈົ້າໃນຂະນະທີ່ຢູ່ໃນຂະບວນການປົກປ້ອງ, ການກັບຄືນສູ່ພູມລຳເນົາ ແລະ ການເຂົ້າຮ່ວມໃນການດຳເນີນຄະດີອາຍາ;

3. ຜູ້ທີ່ມີອາຍຸຕ່ຳກວ່າ 18 ປີ ຊຶ່ງເປັນລູກຂອງຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍທີ່ມາພ້ອມນຳນັ້ນ ຈະໄດ້ຮັບນະໂຍບາຍໃນການປົກປ້ອງຄືກັບຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ;

4. ບັນດາອົງການທີ່ມີສິດອຳນາດກ່ຽວຂ້ອງຂອງສອງຝ່າຍ ຄວນນຳໃຊ້ບັນດາມາດຕະການ ທີ່ເໝາະສົມ ເພື່ອຮັບປະກັນຄວາມປອດໄພໃຫ້ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ, ພະຍານ ແລະ ຄອບຄົວ ຂອງເຂົາເຈົ້າ ບໍ່ໃຫ້ຖືກແກ້ແຄ້ນ ຫລື ຂົ່ມຂູ່ໃນໄລຍະ ແລະ ຫລັງການດຳເນີນຄະດີ.

ມາດຕາ 5

ການຮ່ວມມືໃນການຕ້ານການຄ້າມະນຸດ

1. ບັນດາອົງການທີ່ມີສິດອຳນາດ ໃນການດຳເນີນຄະດີການຄ້າມະນຸດຂອງສອງຝ່າຍໂດຍສະເພາະແມ່ນເຂດຢູ່ລຽບຕາມບໍລິເວນຊາຍແດນຮ່ວມຂອງສອງປະເທດ ຈະຮ່ວມມືກັນຢ່າງໃກ້ຊິດ, ຜັດປ່ຽນການພົບປະຊຶ່ງກັນ ແລະ ກັນ ເປັນແຕ່ລະໄລຍະ ຫລື ໃນກໍລະນີສຸກເສີນ ຕາມການເຫັນດີຂອງສອງຝ່າຍ ແນໃສ່ແລກປ່ຽນຂໍ້ມູນຂ່າວສານກ່ຽວກັບຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ, ຜູ້ກະທຳຜິດໃນສະຖານການຄ້າມະນຸດ ເພື່ອວາງແຜນການ, ມາດຕະການໃນການຮ່ວມມືໃຫ້ມີປະສິດທິຜົນ.

2. ສອງຝ່າຍ ຈະຈັດຕັ້ງປະຕິບັດບັນດາໂຄງການຝຶກອົບຮົມໃຫ້ພະນັກງານບັນດາອົງການ ທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ເພື່ອຍົກສູງຄວາມສາມາດ ໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດກົດໝາຍໃນຂົງເຂດການສະກັດກັ້ນ, ການດຳເນີນຄະດີຕໍ່ຜູ້ຄ້າມະນຸດ ແລະ ການປົກປ້ອງຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ.

3. ສອງຝ່າຍ ດຳເນີນການລວບລວມບັນດາຂໍ້ມູນ, ຫລັກຖານ, ການຊອກຫາ, ການຈັບກຸມ ແລະ ມອບ-ຮັບຜູ້ກະທຳຜິດ, ການຊ່ວຍເຫລືອຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ ຕາມຂໍ້ກຳນົດຂອງກົດໝາຍທີ່ກ່ຽວຂ້ອງທີ່ມີຜົນໃຊ້ບັງຄັບໃນປັດຈຸບັນຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ ແລະ ບັນດາຂໍ້ກຳນົດທີ່ບົ່ງໄວ້ໃນສັນຍາຊ່ວຍເຫລືອດ້ານຍຸຕິທຳທາງອາຍາລະຫວ່າງປະເທດອາຊຽນ ຊຶ່ງລົງນາມ ໃນວັນທີ 29/11/2004 ທີ່ກົວລາລຳເປີ, ຖະແຫລງການຮ່ວມກ່ຽວກັບການສະກັດກັ້ນ ແລະ ຕ້ານການຄ້າມະນຸດ ຂອງບັນດາປະເທດອະນຸພາກພື້ນລຸ່ມແມ່ນ້ຳຂອງ ຊຶ່ງລົງນາມໃນວັນທີ 14/12/2007 ທີ່ປັກກິ່ງ ແລະ ສັນຍາວ່າດ້ວຍການຊ່ວຍເຫລືອດ້ານຍຸຕິທຳທາງແພ່ງ ແລະ ທາງອາຍາລະຫວ່າງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ໃນວັນທີ 6 ເດືອນ ກໍລະກົດ ປີ 1998 ທີ່ຮ່າໂນ້ຍ.

4. ບັນດາອົງການທີ່ມີສິດອຳນາດຂອງສອງຝ່າຍ ຈະຮ່ວມມືກັນໃນການເກັບກຳ ແລະ ແລກປ່ຽນຂໍ້ມູນຂ່າວສານທີ່ກ່ຽວຂ້ອງກັບການຄ້າມະນຸດ ເຊັ່ນ: ເສັ້ນທາງ, ສະຖານທີ່, ເປົ້າໝາຍ, ວິທີການ, ແລະ ເລ່ລ່ຽມ ກົນອຸບາຍການຄ້າມະນຸດ ແລະ ແຫລ່ງຂ່າວ ກ່ຽວກັບປະຫວັດຂອງບັນດາບຸກຄົນທີ່ເປັນເປົ້າໝາຍຜູ້ຄ້າມະນຸດ.

ມາດຕາ 6

ການກຳນົດ ແລະ ການມອບ-ຮັບຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ

1. ສອງຝ່າຍໃຫ້ຄຳໝັ້ນສັນຍາຕໍ່ກັນວ່າ ຮັບປະກັນການພິສູດ, ການກຳນົດ ແລະ ການຄືນສູ່ພູມລຳເນົາຂອງຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ ໃຫ້ມີຄວາມປອດໄພ ແລະ ວ່ອງໄວ.

2. ບ່ອນອີງໃນການກຳນົດຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ ມີດັ່ງນີ້:

ກ. ເອກະສານ, ຫລັກຖານ ທີ່ທັງສອງຝ່າຍເປັນຜູ້ສະໜອງໃຫ້;

ຂ. ຄຳໃຫ້ການ ແລະ ຫລັກຖານທີ່ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ ເປັນຜູ້ສະໜອງໃຫ້;

ຄ. ຜົນການພິສູດຂອງ ກຳລັງຕຳຫຼວດ, ທະຫານຊາຍແດນຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະ ກະຊວງປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ ຂອງຝ່າຍລາວ;

ງ. ຄຳໃຫ້ການຂອງຜູ້ຖືກຫາໃນສະຖານການຄ້າມະນຸດ;

ຈ. ຂໍ້ມູນຂ່າວສານ ທີ່ບັນດາອົງການຈັດຕັ້ງສາກົນ, ອົງການຈັດຕັ້ງທີ່ບໍ່ສັງກັດລັດຖະບານ ທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ເປັນຜູ້ສະໜອງໃຫ້;

ສ. ຂໍ້ມູນຂ່າວສານທີ່ແຫລ່ງອື່ນໆ ເປັນຜູ້ສະໜອງໃຫ້.

3. ອົງການທີ່ເປັນເຈົ້າການໃນການພິສູດ, ການມອບ-ຮັບ ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ ຝ່າຍສາທາລະ ນະລັດ ສັງຄົມ ນິຍົມຫວຽດນາມ ແມ່ນກົມຕຳຫລວດຄຸ້ມຄອງຄົນເຂົ້າ-ອອກເມືອງ, ກະຊວງຕຳ ຫລວດ ແລະ ຝ່າຍ ສາທາລະນະ ລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແມ່ນກົມຕຳຫລວດ ສືບສວນ-ສອບສວນ, ກະຊວງປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ .

ອົງການທີ່ເປັນເຈົ້າການຂອງສອງຝ່າຍ ມີໜ້າທີ່ ດັ່ງນີ້:

ກ. ຈັດຕັ້ງການພິສູດກ່ຽວກັບປະຫວັດບຸກຄົນ, ສັນຊາດຂອງຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ;

ຂ. ກະກຽມການມອບ-ຮັບ ແລະ ການຮັບຕ້ອນຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ;

ຄ. ດຳເນີນການມອບ-ຮັບ ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍຕາມແຜນການທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້;

ງ. ຮັບປະກັນຄວາມປອດໄພແກ່ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ ໃນຂະບວນການມອບ-ຮັບ.

4. ຂັ້ນຕອນ, ເອກະສານພິສູດ ແລະ ການມອບ-ຮັບຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ

ກ. ອົງການທີ່ເປັນເຈົ້າການຂອງຝ່າຍສະເໜີຈະສົ່ງສຳນວນເອກະສານກ່ຽວກັບການຂໍພິສູດ ແລະ ການຮັບເອົາຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍໃຫ້ແກ່ອົງການທີ່ເປັນເຈົ້າການຂອງຝ່າຍຖືກສະເໜີ. ສຳນວນເອກະສານ ດັ່ງກ່າວ ປະກອບມີ: ໜັງສືສະເໜີຂໍການພິສູດ ແລະ ການຮັບເອົາຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ (ເປັນພາສາອັງກິດ ຫລື ພາສາຂອງຝ່າຍທີ່ສະເໜີ), ຮ່າງຄຳໃຫ້ການຕາມແບບຟອມ (ມີຮູບຄັດຕິດ) ຕາມສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນ ແລະ ເອກະສານອື່ນໆ ເພື່ອຊ່ວຍໃຫ້ການພິສູດປະຫວັດບຸກຄົນ ແລະ ສັນຊາດ (ຖ້າມີ).

ຂ. ອົງການທີ່ເປັນເຈົ້າການຂອງຝ່າຍຖືກສະເໜີໃຫ້ພິສູດ ແລະ ຕອບຜົນການພິສູດໃຫ້ແກ່ຝ່າຍສະເໜີ ຕ້ອງເຮັດໃນເວລາອັນໄວທີ່ສຸດ ແລະ ບໍ່ໃຫ້ເກີນສາມສິບວັນລັດຖະການ ນັບແຕ່ ວັນໄດ້ຮັບຄຳສະເໜີ ກ່ຽວກັບການເຫັນດີຮັບ ຫລື ບໍ່ຮັບເອົາຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍເປັນຕົ້ນໄປ. ກໍລະນີເຫັນດີຮັບຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ, ອົງການທີ່ເປັນເຈົ້າການຂອງຝ່າຍຮັບ ຈະສະໜອງເອກະສານເດີນທາງ ຫລື ມອບສິດໃຫ້ອົງການຕົວແທນດ້ານການທູດ, ກົງສຸນ ຫລື ອົງການອື່ນ ທີ່ຖືກມອບສິດໃຫ້ປະຕິບັດໜ້າທີ່ກົງສຸນຂອງປະເທດຕົນ (ຕໍ່ໄປນີ້ເອີ້ນວ່າ: ອົງການຕົວແທນ) ປະຈຳຢູ່ປະເທດຂອງຝ່າຍຖືກສະເໜີ ເປັນຜູ້ສະໜອງເອກະສານເດີນທາງກັບຄືນປະເທດໃຫ້ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ.

ຄ. ພາຍຫລັງໄດ້ຮັບເອກະສານເຫັນດີຮັບເອົາຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ, ອົງການທີ່ເປັນເຈົ້າການຝ່າຍສະເໜີ ຈະແຈ້ງໃຫ້ອົງການທີ່ເປັນເຈົ້າການຝ່າຍຖືກສະເໜີ ຊາບລ່ວງໜ້າຢ່າງຊ້າສຸດ 5 ວັນ ລັດຖະການ ກ່ຽວກັບລາຍຊື່ຂອງຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ, ກຳນົດເວລາ, ພາຫະນະ ແລະ ດ່ານສາກົນເພື່ອດຳເນີນການມອບ-ຮັບ.

ງ. ວິທີການມອບ-ຮັບສຳນວນເອກະສານ ແມ່ນຜ່ານອົງການຕົວແທນດ້ານການທູດ ຂອງປະເທດຕົນ ຫລື ສົ່ງໃຫ້ອົງການທີ່ເປັນເຈົ້າການໂດຍກົງ.

ຈ. ການມອບ-ຮັບ ຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍຈາກການຄ້າມະນຸດ ຕ້ອງດຳເນີນຢູ່ທີ່ດ່ານສາກົນ ແລະ ຕາມກຳນົດເວລາຕົວຈິງ ທີ່ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນ. ເຈົ້າໜ້າທີ່ ທີ່ມີສິດອຳນາດຂອງສອງຝ່າຍດຳເນີນການລົງນາມ ໃນບົດບັນທຶກການມອບ-ຮັບ.

ມາດຕາ 7

ການກັບຄືນສູ່ສັງຄົມຂອງຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍ

1. ສອງຝ່າຍ ໃຫ້ຄຳໝັ້ນສັນຍາວ່າ ຈະດຳເນີນທຸກວິທີທາງ ເພື່ອຊ່ວຍເຫລືອຜູ້ຖືກເຄາະຮ້າຍໃຫ້ເຊື່ອມຕົວເຂົ້າສູ່ສັງຄົມ ແລະ ຄອບຄົວໄດ້ຢ່າງປອດໄພ.

2. ສອງຝ່າຍ ຈະປະສານສົມທົບສະໜັບສະໜຸນຊຶ່ງກັນ ແລະກັນ ໃນການສ້າງ ແລະ ຂະຫຍາຍ ບັນດາໂຄງການຝຶກອົບຮົມ ກ່ຽວກັບການຍົກລະດັບຄວາມຮູ້ຄວາມສາມາດໃຫ້ແກ່ພະນັກ ງານ ທີ່ເຄື່ອນໄຫວ ໃນຂົງເຂດບຳບັດຟື້ນຟູຄືນສູ່ສັງຄົມ.

ມາດຕາ 8

ອົງການທີ່ເປັນໃຈກາງ

1. ສອງຝ່າຍໄດ້ມອບໝາຍໃຫ້ອົງການທີ່ເປັນໃຈກາງໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສັນຍາສະບັບນີ້ ດັ່ງນີ້:

ກ. ຝ່າຍສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແມ່ນກະຊວງຕ່າງປະເທດ.

ຂ. ຝ່າຍສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແມ່ນກະຊວງປ້ອງກັນຄວາມ ສະຫງົບ.

2. ອົງການທີ່ເປັນໃຈກາງ ຂອງສອງຝ່າຍ ຮັບຜິດຊອບໃນການປຶກສາຫາລື ແລະ ເປັນເອກະພາບກັນ ກ່ຽວກັບບັນດາມາດຕະການທີ່ຈຳເປັນ ເພື່ອຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສັນຍາສະບັບນີ້;

3. ໜ້າທີ່ຂອງອົງການທີ່ເປັນໃຈກາງ ມີດັ່ງນີ້:

ກ. ສ້າງແຜນການ, ຍຸດທະສາດ ໃນການເຄື່ອນໄຫວລວມ ກໍຄືການຮ່ວມມືກັບບັນດາອົງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງສອງຝ່າຍ ເພື່ອຈັດຕັ້ງປະຕິບັດເນື້ອໃນຂອງສັນຍາສະບັບນີ້;

ຂ. ໃນແຕ່ລະປີ ຕ້ອງມີການຕີລາຄາຜົນການຮ່ວມມືໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ ແລະ ນຳ ສະເໜີເນື້ອໃນ ເພື່ອຊຸກຍູ້ການຮ່ວມມືໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສັນຍາ ລາຍງານຕໍ່ລັດຖະບານຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ;

ຄ. ສະເໜີຈັດກອງປະຊຸມສາມັນ ຫລື ວິສາມັນ ເພື່ອຕີລາຄາການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສັນຍາສະບັບນີ້;

ງ. ປະກອບສຳນວນ, ຖານຂໍ້ມູນ ກ່ຽວກັບວຽກງານສະກັດກັ້ນ ແລະ ຕ້ານການຄ້າມະນຸດ ຂອງອົງການ ປົກປ້ອງກົດໝາຍ, ບັນດາອົງການຈັດຕັ້ງພາຍໃນປະເທດຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ ແລະ ບັນດາອົງການຈັດຕັ້ງສາກົນທີ່ ກ່ຽວຂ້ອງ.

ມາດຕາ 9

ການຮັກສາຄວາມລັບຂໍ້ມູນຂ່າວສານ

ບັນດາແຫລ່ງຂ່າວ, ເອກະສານທີ່ແລກປ່ຽນຊຶ່ງກັນ ແລະ ກັນ, ຕ້ອງຮັບປະກັນຄວາມລັບ ຕາມລະບຽບກົດໝາຍຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ. ບັນດາແຫລ່ງຂ່າວ, ເອກະສານເຫລົ່ານັ້ນ ຈະໄດ້ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການ ປະຕິບັດວຽກງານ ຕາມຄວາມຮຽກຮ້ອງຕ້ອງການຂອງຝ່າຍສະເໜີເທົ່ານັ້ນ, ບໍ່ໄດ້ສົ່ງໃຫ້ຝ່າຍທີສາມ ຖ້າຫາກ ບໍ່ທັນມີການຕົກລົງເຫັນດີຢ່າງເປັນລາຍລັກອັກສອນຂອງຝ່າຍສະໜອງ.

ມາດຕາ 10

ຂໍ້ກຳນົດທີ່ບໍ່ເປັນຜົນສະທ້ອນ

ບັນດາຂໍ້ກຳນົດຂອງສັນຍາສະບັບນີ້ ບໍ່ມີຜົນສະທ້ອນເຖິງສິດ ແລະ ພັນທະຂອງສອງຝ່າຍໃນການຈັດ ຕັ້ງປະຕິບັດບັນດາສົນທິສັນຍາສາກົນ ທີ່ຕົນໄດ້ເຂົ້າເປັນພາຄີ ກ່ອນເວລາທີ່ໄດ້ລົງນາມໃນສັນຍາສະບັບນີ້.

ມາດຕາ 11

ການແກ້ໄຂຂໍ້ຂັດແຍ່ງ

ທຸກຄວາມແຕກຕ່າງ ແລະ ຂໍ້ຂັດແຍ່ງທີ່ເກີດຂຶ້ນຈາກການຕີຄວາມໝາຍ ແລະ ການຈັດຕັ້ງ ປະຕິບັດສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະໄດ້ແກ້ໄຂດ້ວຍວິທີມິດຕະພາບ ໂດຍຜ່ານການປຶກສາຫາລື ລະຫວ່າງ ສອງຝ່າຍ ຫຼື ໂດຍຜ່ານທາງການທູດ.

ມາດຕາ 12

ການດັດແກ້ ແລະ ປັບປຸງສັນຍາ

ສັນຍາສະບັບນີ້ ສາມາດດັດແກ້ ຫລື ປັບປຸງ ຕາມການເຫັນດີຂອງສອງຝ່າຍ ເປັນລາຍລັກອັກສອນ ໂດຍຜ່ານທາງການທູດ.

ມາດຕາ 13

ການໂຈະການປະຕິບັດສັນຍາ

ຝ່າຍໃດຝ່າຍໜຶ່ງ ສາມາດໂຈະການປະຕິບັດສັນຍາສະບັບນີ້ທັງໝົດ ຫລື ສ່ວນໃດສ່ວນໜຶ່ງ ຍ້ອນເຫດຜົນກ່ຽວກັບຄວາມເປັນລະບຽບຮຽບຮ້ອຍຂອງສັງຄົມ, ຄວາມໝັ້ນຄົງຂອງຊາດ, ສຸຂະພາບຂອງປວງຊົນ ຫຼື ດ້ວຍເຫດຜົນອື່ນ. ການໂຈະການປະຕິບັດສັນຍາ ຈະຕ້ອງໄດ້ຮັບການແຈ້ງໃຫ້ອີກຝ່າຍໜຶ່ງຊາບເປັນລາຍລັກອັກສອນ ໂດຍຜ່ານທາງການທູດ.

ມາດຕາ 14

ການມີຜົນໃຊ້ບັງຄັບ ແລະ ການຍົກເລີກສັນຍາ

ສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະມີຜົນໃຊ້ບັງຄັບພາຍຫລັງ ສາມສິບວັນ ນັບແຕ່ວັນທີ່ຝ່າຍໜຶ່ງ ໄດ້ຮັບແຈ້ງເປັນຄັ້ງສຸດທ້າຍຈາກອີກຝ່າຍໜຶ່ງເປັນລາຍລັກອັກສອນ ໂດຍຜ່ານທາງການທູດ ກ່ຽວກັບການສຳເລັດທຸກຂັ້ນຕອນພາຍໃນທາງດ້ານນິຕິກຳຂອງຕົນ ເພື່ອໃຫ້ສັນຍາມີຜົນໃຊ້ບັງຄັບ.

1. ສັນຍາສະບັບນີ້ ມີຜົນໃຊ້ບັງຄັບ ໂດຍບໍ່ມີກຳນົດ ຍົກເວັ້ນກໍລະນີທີ່ຝ່າຍໃດຝ່າຍໜຶ່ງ ຫາກແຈ້ງເປັນ ລາຍລັກອັກສອນໃຫ້ອີກຝ່າຍໜຶ່ງຊາບ ໂດຍຜ່ານທາງການທູດ ກ່ຽວກັບການຍົກເລີກ ການປະຕິບັດສັນຍາ. ການຍົກເລີກນັ້ນ ຈະມີຜົນສັກສິດ ພາຍຫລັງ ເກົ້າສິບວັນ ລັດຖະການ ນັບແຕ່ວັນທີ່ຝ່າຍນັ້ນ ໄດ້ຮັບແຈ້ງໃຫ້ຊາບເປັນຕົ້ນໄປ.

2. ໃນກໍລະນີຍົກເລີກສັນຍາ, ສັນຍາສະບັບນີ້ ຍັງຈະສືບຕໍ່ນຳໃຊ້ໄດ້ຕໍ່ບັນດາຂໍ້ຮຽກຮ້ອງ ທີ່ໄດ້ຮ່ວມມື ກັນກ່ອນວັນຍົກເລີກສັນຍາສະບັບນີ້.

ເພື່ອເປັນຫລັກຖານ, ຜູ້ລົງນາມທີ່ໄດ້ຮັບການມອບໝາຍເຕັມສ່ວນ ຂອງລັດຖະບານແຕ່ລະຝ່າຍ ລຸ່ມນີ້ ເປັນຜູ້ລົງນາມໃນສັນຍາສະບັບນີ້.

ສັນຍາສະບັບນີ້ ໄດ້ເຮັດຂຶ້ນທີ່ ນະຄອນຫລວງ ຮ່າໂນ້ຍ, ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ, ໃນວັນທີ 3 ພະຈິກ 2010 ເປັນສອງສະບັບຕົ້ນ, ແຕ່ລະສະບັບເປັນພາສາລາວ, ພາສາຫວຽດນາມ ແລະ ພາສາອັງກິດ ທຸກສະບັບມີຄຸນຄ່າເທົ່າທຽມກັນ. ໃນກໍລະນີທີ່ມີການຕີຄວາມໝາຍແຕກຕ່າງກັນ, ສະບັບ ພາສາ ອັງກິດ ຈະໃຊ້ເປັນຫລັກ.

ຕາງໜ້າລັດຖະບານ	**ຕາງໜ້າລັດຖະບານ**
ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ	**ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ**
ເລ ຮົ່ງ ແອງ	**ທອງບັນ ແສງອາພອນ**
ລັດຖະມົນຕີວ່າການກະຊວງຕ່າງປະເທດ	**ລັດຖະມົນຕີວ່າການກະຊວງປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ**